

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Dự toán tỉnh giao năm 2020	Dự toán năm 2021			
			Trung ương giao	Tỉnh giao	Trong đó	
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1	2	3=4+5	4	5
	TỔNG CHI NSDP	11.373.461	9.670.074	10.998.374	6.048.374	4.950.000
A	CHI CÁN ĐỐI NSDP (1)	9.099.631	8.266.587	9.594.887	4.644.887	4.950.000
I	Chi đầu tư phát triển	1.777.597	1.304.340	2.229.730	1.326.790	902.940
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	1.553.997	1.204.540	1.972.140	1.126.600	845.540
	- Vốn trong nước	551.497	529.540	529.540	446.600	82.940
	- Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	976.500	650.000	1.413.600	651.000	762.600
	- Từ nguồn thu xổ số kiến thiết	26.000	25.000	29.000	29.000	
2	Chi từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	85.100	99.800	99.800	99.800	
3	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (2)	65.000		51.390	51.390	
4	Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai... từ 10% thu tiền sử dụng đất	73.500		106.400	49.000	57.400
5	Hỗ trợ các Quỹ tài chính Nhà nước của tỉnh					
II	Chi thường xuyên (3)	7.025.811	6.800.407	6.871.841	2.948.061	3.923.780
1	Sự nghiệp kinh tế	624.274		640.373	416.670	223.703
	- Sự nghiệp lâm nghiệp	3.463		2.349	850	1.499
	- Sự nghiệp nông nghiệp	147.264		144.540	112.897	31.643
	- Sự nghiệp giao thông	121.707		119.117	102.032	17.085
	- Sự nghiệp thủy lợi	62.077		62.415	61.188	1.227
	- Sự nghiệp tài nguyên, thị chính và kinh tế khác	289.763		311.952	139.703	172.249
2	Sự nghiệp bảo vệ môi trường	93.260	55.978	95.170	13.010	82.160
3	Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.813.250	2.744.417	2.744.417	526.685	2.217.732
	- Sự nghiệp giáo dục	2.587.820		2.520.742	308.936	2.211.806
	- Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề	225.430		223.675	217.749	5.926
4	Sự nghiệp khoa học và công nghệ	25.799	20.357	25.357	25.357	
5	Sự nghiệp y tế dân số và gia đình	833.314		779.322	561.262	218.060
6	Sự nghiệp văn hoá thông tin	126.963		128.250	94.979	33.272
	- Sự nghiệp văn hoá	95.791		96.329	63.058	33.272
	- Sự nghiệp công nghệ thông tin	31.171		31.921	31.921	
7	Sự nghiệp thể dục thể thao	22.194		23.804	18.700	5.104
8	Sự nghiệp phát thanh truyền hình	59.819		84.337	67.547	16.790
9	Sự nghiệp đảm bảo xã hội	220.102		212.016	58.797	153.219
10	Quản lý hành chính	1.908.116		1.812.066	914.907	897.159
	- Quản lý nhà nước	1.485.751		1.424.454	681.660	742.794
	- Đảng	338.801		304.928	188.043	116.885
	- Đoàn thể	83.564		82.684	45.204	37.480
11	Quốc phòng - An ninh	156.346		182.232	125.695	56.537
	- Quốc phòng	98.561		127.609	80.722	46.887

Số TT	Nội dung các khoản chi	Dự toán tỉnh giao năm 2020	Dự toán năm 2021			
			Trung ương giao	Tỉnh giao	Trong đó	
					Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1	2	3=4+5	4	5
	- An ninh	57.785		54.623	44.973	9.650
12	Chi khác ngân sách	28.245		32.089	12.045	20.044
13	Chi thực hiện một số chính sách, nhiệm vụ	114.131		112.409	112.409	
	- Đề án, chính sách của tỉnh giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ, chính sách khác theo quy định	63.701		72.000	72.000	
	- Chính sách hỗ trợ thôi việc theo nguyện vọng theo Nghị quyết số 18/2020/NQ-HĐND ngày	7.000		8.907	8.907	
	- Vốn sự nghiệp ngoài nước (NSTW)	13.430		2.340	2.340	
	- Kinh phí thực hiện đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	10.000		9.162	9.162	
	- Mua sắm, sửa chữa xe ô tô và máy móc, thiết bị; bảo trì trụ sở làm việc	20.000		20.000	20.000	
III	Trả nợ lãi, phí các khoản vay	4.200	4.700	4.700	4.700	
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.200	1.200	1.200	1.200	
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh chính sách tiền lương từ 70% số tăng thu cân đối, phần dự toán tỉnh giao cao hơn số trung ương giao	135.200		312.235	266.570	45.665
VI	Dự phòng ngân sách	155.623	155.940	175.181	97.565	77.616
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU	2.273.830	1.403.487	1.403.487	1.403.487	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	847.815				
2	Bổ sung có mục tiêu (vốn đầu tư phát triển)	1.426.015	1.403.487	1.403.487	1.403.487	
	- Vốn trong nước	454.805	1.010.492	1.010.492	1.010.492	
	- Vốn ngoài nước	850.000	392.995	392.995	392.995	
	- Kinh phí sự nghiệp	121.210				

Ghi chú:

(1) Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2021 chưa bao gồm số bổ sung cho ngân sách huyện #REF! triệu đồng

(2) Tổng nguồn tăng so với dự toán trung ương giao là 171,3 tỷ đồng, trong đó bố trí 70% để tạo nguồn điều chỉnh chính sách tiền lương theo chế độ quy định là 119,91 tỷ đồng; số còn lại để bố trí chi đầu tư phát triển là 51,39 tỷ đồng, được thực hiện chi theo số thu thực tế nộp vào ngân sách nhà nước.

(3) Đã bao gồm cả phần kinh phí thực hiện các chính sách, nhiệm vụ được trung ương bổ sung có mục tiêu 369.789 triệu đồng.

Dự toán chi thường xuyên của ngân sách huyện đã bao gồm kinh phí thực hiện các chính sách nhiệm vụ được ngân sách cấp tỉnh bổ sung có mục tiêu là 384.929 triệu đồng; #REF!